

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày 26-8-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hùng.

Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. *Phan Văn G*, sinh năm 1989, tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 16, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi ở: Ngõ 805 đường V, xã N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn L, sinh năm 1963 và con bà: Lê Thị D, sinh năm 1966; có vợ là Tạ Thị Thu H, sinh năm 1984 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-5-2020 đến ngày 30-6-2020, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” theo Quyết định số 06/QĐ-VKSVB ngày 30-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định;

“Có mặt”.

2. *Đình Công K*, sinh năm 1989, tại Nam Định;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đình Công Y (đã chết) và con bà: Nguyễn

Thị D, sinh năm 1961; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16-12-2008, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 29-3-2011 bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 4055 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-5-2020 đến ngày 04-7-2020, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” theo Quyết định số 07/QĐ-VKSVB ngày 04-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

“Có mặt”.

3. *Phạm Ngọc T*, sinh năm 1989, tại Nam Định;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tổ 8, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc C, sinh năm 1967 và con bà: Trịnh Thị N, sinh năm 1969; chưa có vợ, có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31-7-2009, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; bị tạm giam từ ngày 02-6-2020 cho đến nay.

“Có mặt”.

- *Bị hại*: Đình làng H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người quản lý đình làng H là bà Bùi Thị L, sinh năm 1973 và ông Trần Văn T, sinh năm 1954; đều cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. “Có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. “Có mặt”.

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; cư trú tại: Xóm 34, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; “Vắng mặt”.

+ Anh Phạm Văn R, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm 4A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 05-5-2020, Phan Văn G một mình điều khiển xe mô tô Dream BKS 18S4-7821 đi vào xã T, huyện V, tỉnh Nam Định với mục đích đi tìm xem đình, chùa nào có đồ cổ, không có người trông coi thì sẽ lấy trộm đem bán để lấy tiền tiêu sài. Khi đi qua đình làng H thuộc xã T thì G phát hiện trong sân đình phía

bên phải có một tượng rùa bằng đá, đình làng không có cổng, không có người trông coi.

Khoảng 14 giờ ngày 05-5-2020, G gọi điện thoại cho Đình Công K và hẹn K đi ra tỉnh lộ 486B để chỉ chỗ cho K đến lấy trộm tượng rùa đá ở đình làng H. Sau khi nghe điện thoại của G, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 18D1-114.64 đến nhà Phạm Ngọc T để rủ T đi cùng. Khi G, K, T gặp nhau ở tỉnh lộ 486B thuộc địa phận xã H thì G nói với K: Trong đình kia có con rùa đá, không có cổng, mày vào lấy cho tao, dễ lấy lắm. K có hỏi lại G “Nếu lấy được thì anh cho em bao nhiêu”, G nói “Nếu lấy được, đẹp thì anh cho mày một triệu đồng, xấu thì phải xem xét”. Sau đó, G dẫn K và T vào đình làng H, chỉ vị trí để tượng rùa đá, rồi cả ba đi về theo đường cũ. Trên đường về, G có bảo với K “Tầm 12 giờ đêm vào lấy là đẹp nhất, vì lúc đó mọi người ngủ hết rồi, đi gần tới nơi thì tắt máy xe dắt bộ vào là được”.

Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 05-5-2020, K điều khiển xe mô tô BKS 18D1-114.64 đến đón T để đi trộm cắp tượng rùa bằng đá như đã thỏa thuận với G. K và T đi theo đường cũ mà G đã chỉ dẫn, khi gần đến nơi, K tắt máy xe, dắt bộ cùng T đi vào trong sân đình, đến chỗ để tượng rùa bằng đá. K gạt chân chống xe, quay đầu xe hướng ra cổng, rồi mở cốp xe lấy áo mưa để ra ngoài. K ra hiệu bảo T cùng mình bê tượng rùa đá để lên xe mô tô. K bê phần đuôi rùa còn T bê phần đầu rùa, cả hai bê tượng rùa đá để lên yên xe mô tô. Sau đó, K lấy áo mưa phủ lên tượng rùa rồi ngồi lên xe mô tô điều khiển chở T ngồi sau giữ rùa đá và nhanh chóng theo lối cũ để tẩu thoát ra ngoài. Khi đang đi trên đường gần trường trung học phổ thông Nguyễn Bỉnh thì xe mô tô bị hết hơi nên K phải dừng lại để cho T đẩy tượng rùa đá vừa trộm cắp được xuống lề đường bên phải đường liên xã rồi cả hai đi về nhà. Đến khoảng 08 giờ ngày 06-5-2020, G gọi điện cho K hỏi xem đã lấy trộm được rùa chưa thì K bảo đã lấy được rồi nhưng đang để bên lề đường gần quốc lộ 486B. Đến khoảng 17 giờ ngày 06-5-2020, K gọi cho G có lấy rùa không thì G bảo đến đêm chở rùa ra gần Quốc lộ 21 để G lấy. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06-5-2020, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nouvo BKS 18D1-114.64 chở T đi lấy rùa bằng đá ở lề đường rồi đi dọc theo đường 486B ra Quốc lộ 21 giao cho G. Khi gặp nhau, G kiểm tra lại tượng rùa đá thì phát hiện bị gãy đầu và đã được gắn lại bằng xi măng nên G chê xấu và trả cho K và T tiền công là 400.000 đồng. K đồng ý nhận số tiền 400.000 đồng. Sau đó, G đem tượng rùa bằng đá về nhà và bán lại cho anh Nguyễn Văn C ở xã H, huyện H với giá 1.200.000 đồng (G không nói cho anh C biết tượng rùa đá là do trộm cắp mà có). Anh Nguyễn Văn C lại đem bán tượng rùa bằng đá cho anh Phạm Văn R ở cùng xã H với giá 2.000.000 đồng.

Ngày 01-6-2020 Bộ văn hóa, thể thao và du lịch đã kết luận tượng rùa đá gửi giám định là cổ vật, có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học. Không phải là bảo vật quốc gia.

Tại bản kết luận định giá số 30/KL-HĐ ngày 22-6-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đã kết luận tượng rùa bằng đá có giá là 10.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 11-6-2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại 01 tượng rùa bằng đá cho bà Bùi Thị L và ông Trần Văn T là người quản lý đình làng H. Bà L và ông T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Gia đình bị cáo K đã nộp lại số tiền 400.000 đồng; gia đình bị cáo G nộp lại số tiền 800.000 đồng; anh Nguyễn Văn C đã nộp lại số tiền 800.000 đồng. Bị cáo K, G và anh C không có yêu cầu gì về số tiền đã giao nộp nêu trên. Anh Phạm Văn R cũng không có yêu cầu gì về số tiền mua rùa của anh C. Như vậy trách nhiệm dân sự trong vụ án này đã được giải quyết xong.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Phan Văn G, Đinh Công K và Phạm Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 35/CT-VKSVB ngày 22-7-2020 của Viện kiểm sát nhận dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Phan Văn G, Đinh Công K và Phạm Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Các bị cáo Phan Văn G, Đinh Công K và Phạm Ngọc T đã thành khẩn khai nhận về hành vi trộm cắp của mình như nội dung đã nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

* Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn T trình bày đã được nhận lại rùa đá và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

* Bà Nguyễn Thị D trình bày: Số tiền để mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nouvo BKS 18D1-114.64 là của bà. Ngày 05-5-2020 và ngày 06-5-2020, bị cáo K lấy xe mô tô đi bà không biết gì. Nay bà có nguyện vọng xin được nhận lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Phan Văn G, Đinh Công K và Phạm Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Văn G, Đinh Công K và Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về điều luật áp dụng và hình phạt:

+ Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn G từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Công K từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

+ Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02-6-2020.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 18D1-114.64 màu tím
- bạc cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị D.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản khám nghiệm nghiệm trường; bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án đã được thu thập có trong hồ sơ. Nên có đủ căn cứ để kết luận:

Phan Văn G phát hiện thấy trong sân đình làng H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định có một tượng rùa bằng đá, đình làng không có cổng, không có người trông coi

nên đã gọi điện cho Đinh Công K và bảo K lấy trộm tượng rùa đá cho mình và hứa trả công cho K.

Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 05-5-2020, K điều khiển xe mô tô BKS 18D1-114.64 chở Phạm Ngọc T đi trộm cắp tượng rùa bằng đá như đã thỏa thuận với G. Khi gần đến đình làng H, K tắt máy xe mô tô, dắt bộ cùng T đi vào trong sân đình và đến chỗ để tượng rùa bằng đá. Sau đó, K bê phần đuôi rùa còn T bê phần đầu rùa, cả hai cùng bê tượng rùa đá để lên yên xe mô tô rồi nhanh chóng đưa tượng rùa đá theo lối cũ để tẩu thoát ra ngoài.

Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 06-5-2020, K và T giao tượng rùa đá cho G. đồng thời, G đã trả công cho K số tiền 400.000đồng. Sau đó, G bán lại tượng rùa đá cho anh Nguyễn Văn C ở xã H, huyện H với giá 1.200.000đồng. Anh C bán lại tượng rùa đá cho anh Phạm Văn R với giá 2.000.000đồng. Tượng rùa bằng đá được kết luận là cổ vật, có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học trị giá 10.000.000 đồng.

Đối chiếu hành vi nêu trên của các bị cáo G, K và T với những quy định của pháp luật thì hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng đối với quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Các bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo G chưa vi phạm pháp luật còn bị cáo K và T có nhân thân xấu, đã từng vi phạm pháp luật và bị Tòa án đưa ra xét xử.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51. Riêng bị cáo G phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo G, K đã tự nguyện nộp lại số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp; cả 3 bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính

quyền địa phương; Bị cáo Đinh Công K hiện đang bị mắc bệnh, theo Giấy chuyển tuyến ngày 03-7-2020 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định chẩn đoán bệnh: TD Đợt cấp viêm gan C mạn/ts nghiện ma túy; theo công văn số 529/CV-PC11 ngày 03-7-2020 của Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định thì hiện tại Đinh Công K sức khỏe yếu, mệt mỏi, chán ăn, vàng mắt, vàng da, tiểu vàng; da cũng mạc mắt vàng đậm do đó cả 3 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo G là người khởi xướng, G trực tiếp đi tìm đồ cổ ở đình làng H về chỉ vị trí tượng rùa đá cho K, hướng dẫn cho K và T “Tầm 12 giờ đêm vào lấy là đẹp nhất” và hứa hẹn trả tiền công cho K và T nên G giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo K là người thực hành tích cực, K rủ T đi trộm cắp, lấy xe máy của gia đình chở T đi, trực tiếp giao dịch rùa và tiền công với G do đó K giữ vai trò thứ 2 trong vụ án. T là người thực hành tích cực sau K, T trực tiếp vào trộm rùa và cùng K đi giao rùa đá cho G.

[6] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo G lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Bị cáo Đinh Công K năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích do đó căn cứ Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì không cần thiết phải cách ly bị cáo K ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo G, K được hưởng án treo, có thời gian thử thách, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo T năm 2009 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, bị cáo T không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do anh C không có yêu cầu gì về số tiền đã nộp lại cho cơ quan điều tra cũng như anh R không có yêu cầu được lấy lại số tiền đã mua rùa của anh C nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết và cũng không xác định anh C, anh R là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[8] Xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 18D1-114.64 được xác định là của bà Nguyễn Thị D (Mẹ đẻ bị cáo K). Vào các ngày 05-5-2020 và ngày 06-5-2020, bà D không biết bị cáo K mang xe mô tô đi để trộm cắp tài sản nên trả lại cho bà D là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Số tiền 2.000.000 đồng là tiền các đối tượng có được do trộm cắp, mua bán tượng rùa đá mà có do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Đối với Nguyễn Văn C là người đã mua lại tượng rùa bằng đá do Phan Văn G bán cho, sau đó C lại bán lại tượng rùa bằng đá này cho Phạm Văn R. Cả C và R đều không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không xem xét trách nhiệm hình sự đối với C và R là có căn cứ.

Ngoài ra, Đinh Công K và Phan Văn G còn khai nhận vào khoảng đầu năm 2020, K và G còn tham gia trộm cắp 01 máng đá, 01 cối đá của một nhà dân tại khu vực xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã điều tra, xác minh trên địa bàn xã Y, huyện Y và địa bàn huyện Y, tỉnh Nam Định từ đầu năm đến nay không xảy ra vụ trộm cắp tài sản nào mà tài sản bị mất là máng đá, cối đá và cũng không xác định được tang vật. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tách vụ việc này ra để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Phan Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Phan Văn G 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-6-2020 đến ngày 30-6-2020).

Giao bị cáo Phan Văn G cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Đinh Công K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Đinh Công K 08 (Tám) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án. (Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-5-2020 đến ngày 04-7-2020).

Giao bị cáo Đinh Công K cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02-6-2020.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 18D1-114.64 màu tím bạc, SK:Y076529; SM 1DB-076541; xe cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị D.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) theo Ủy nhiệm chi số 12 ngày 27-7-2020 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện V.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27-7-2020 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phan Văn G, Đinh Công K và Phạm Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo về những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Nam Định;
- UBND xã N;
- UBND xã Y;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm